

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2019
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Ngọc P, sinh năm 1993

Thường trú: đường C, khu phố H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cư trú: Đường S, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh D, sinh năm 1989

Tạm trú: đường C, khu phố H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Dương Ngọc P trình bày:

Bà Dương Ngọc P và ông Trần Thanh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 27/7/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tự lập. Trong thời gian sống chung, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D không có lòng tin đối với bà P hay ghen tuông, bà P có giải thích nhưng ông D không chấp nhận. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng không

có kết quả và vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nay, bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Dương Ngọc P yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà Dương Ngọc P và ông Trần Thanh D có 01 con chung tên Trần Dương Ánh D, sinh ngày 19/3/2013. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Trần Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Bà Dương Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về quan hệ hôn nhân: Bà P yêu cầu được ly hôn với ông D; Về con chung: Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Ông Trần Thanh D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Dương Ngọc P yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh D. Theo Kết quả xác minh của Công an phường L, quận T thì bị đơn ông D có đăng ký tạm trú tại đường C, khu phố H, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Bị đơn ông D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Dương Ngọc P và ông Trần Thanh D tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 90, quyển số 02/2010, ngày 27 tháng 7 năm 2011. Do đó, căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông D là hôn nhân hợp pháp.

Ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà P nhưng ông D vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông D đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà Dương Ngọc P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Xét thấy, trong quá trình thu thập chứng cứ, bà P cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông D và hiện tại bà P, ông D đã không còn chung sống với nhau, mỗi bên đều có cuộc sống riêng của mình, không bên nào quan tâm đến cuộc sống của nhau, cuộc sống vợ chồng giữa hai bên đã không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà P và ông D đã thật sự trầm trọng, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

- Về con chung: Bà P và ông D có 01 con chung tên Trần Dương Ánh D, sinh ngày 19/3/2013. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Xét, hiện tại bà P đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, để ổn định cuộc sống của con, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà P, giao con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đây là vụ án hôn nhân gia đình về ly hôn nên bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;
- Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Ngọc P.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Dương Ngọc P và ông Trần Thanh D.

1.2 Về con chung: Bà Dương Ngọc P và ông Trần Thanh D có 01 con chung tên Trần Dương Ánh D, sinh ngày 19/3/2013.

Giao con chung tên Trần Dương Ánh D cho bà Dương Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Dương Ngọc P không yêu cầu ông Trần Thanh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

14. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0038463 ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Dương Ngọc P đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Dương Ngọc P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trần Thanh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức, TPHCM;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu